

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2018

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Hồng Việt**.

2. Bà **Bế Thị Hoi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Q**, sinh năm 1987; địa chỉ: 218 HV, tổ dân phố B, thị trấn CPr, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tăng Việt P**, sinh năm 1983; địa chỉ: làng I, xã IB, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Anh P đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Q trình bày: Chị Q và anh P kết hôn ngày 24/3/2014 tại UBND thị trấn CPr, huyện CPr. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không đồng thuận trong công việc, tình cảm vợ chồng, anh P không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, giữa chị Q và anh P sống ly thân hơn ba năm nay. Từ khi sống ly thân chị Q và anh P không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh P đã bỏ đi khỏi địa

phương trong một thời gian dài không có tin tức, chị Q đã tìm kiếm nhiều nơi bằng nhiều phương pháp để anh P về giải quyết chuyện gia đình nhưng không có tin tức gì nên đã yêu cầu Toà án tuyên bố anh P mất tích theo quy định của pháp luật. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Q và anh P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Võ Thuỳ D, sinh ngày 09/7/2014 và Nguyễn Võ Việt D1, sinh ngày 09/7/2014, chị Q yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 08/6/2018 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tăng Việt P trình bày:* Anh và chị Q kết hôn ngày 24/3/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CPR, huyện CPR và sinh được 02 con chung gồm Nguyễn Võ Thuỳ D, sinh ngày 09/7/2014 và Nguyễn Võ Việt D1, sinh ngày 09/7/2014. Tuy nhiên do trong cuộc sống có nhiều bất đồng nên giữa anh và chị Q không còn sống chung đã hơn ba năm nay. Nay chị Q yêu cầu xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và để các con chung cho chị Q nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản giữa anh và chị Q không có yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện nay vì điều kiện bận công việc cá nhân nên anh không thể tham gia giải quyết vụ án được và anh P đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên toà đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Q và cho chị Võ Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Tăng Việt P. Về con chung đề nghị giao các con chung Nguyễn Võ Thuỳ D, sinh ngày 09/7/2014 và Nguyễn Võ Việt D1, sinh ngày 09/7/2014 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Q khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện CPR, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Tăng Việt P, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh Nguyễn Tăng Việt P có nơi cư trú tại làng I, xã IB, huyện CPR, tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CPR, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Tăng Việt P vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh P theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy việc kết hôn giữa chị Q và anh P ngày 24/3/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CPR, huyện CPR, tỉnh

Gia Lai là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi Toà án thụ lý vụ án, anh Nguyễn Tăng Việt P đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã có bản tự khai đều thừa nhận hôn nhân giữa anh với chị Q có những mâu thuẫn như chị Q đã nêu trong đơn khởi kiện; anh P đã bỏ đi khỏi địa phương trong một thời gian dài không quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình, chị Q đã tìm kiếm anh P về để giải quyết việc gia đình nhưng không có kết quả vì vậy chị Q đã yêu cầu Toà án tuyên bố anh P mất tích. Tại bản tự khai ngày 08/6/2018 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt anh P đều trình bày đồng ý ly hôn với chị Q. Điều này chứng tỏ anh P không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với lời trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh P. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q đối với anh P.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Q: Chị Q và anh P có hai con chung tên Nguyễn Võ Thuỳ D, sinh ngày 09/7/2014 và Nguyễn Võ Việt D1, sinh ngày 09/7/2014. Hội đồng xét xử nhận thấy kể từ khi chị Q và anh P sống ly thân thì chị Q là người trực tiếp nuôi con và anh P có ý kiến đồng ý để con chung cho chị Q nuôi dưỡng. Xét thấy con chung của chị Q và anh P còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và phù hợp với ý kiến các đương sự nên cần thiết phải giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét việc chị Q không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của chị Q và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Tăng Việt P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Thuỳ D, sinh ngày 09/7/2014 và Nguyễn Võ Việt D1, sinh ngày 09/7/2014 cho chị Võ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002118 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện CPr;
- Chi cục THADS huyện CPr;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn CPr;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Minh Chính